TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 548/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2022
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân;

Bà Lê Bích Loan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 465/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 785/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 857/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà 5407, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà 5407, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà T, ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Ngô Thị Thanh T trình bày: Hôn nhân giữa bà với ông P là do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 1995 tại UBND xã Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cho đến năm 2021 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do ông P không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cải, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn nên bà và ông P sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay.

Từ khi ly thân đến nay, gia đình hai bên cũng khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm cho nhưng bà thấy mình không cò tình cảm với ông P và không thể chung sống với nhau nên bà xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 03 con chung: 01/ Nguyễn Thanh N, sinh ngày 27/9/1996; 02/ Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/6/2000; 3/ Nguyễn Ngô Nhật D, sinh ngày 17/01/2008. Hiện cháu D đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông P cấp dưỡng. Riêng hai cháu N và H đã trưởng thành và sống tự lập, bà không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông P vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản xác minh ngày 14/11/2022 người thân bà T cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T, ông P là do ông P không chăm lo cho gia đình, ông P biết thông tin về việc bà T nộp đơn ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn nên khả năng đoàn tụ là không thể; về con chung thì có 03 con chung; tài sản chung, nợ chung bà không biết.

Theo thông báo ngày 28/10/2022, ông Nguyễn Văn T – Trưởng Công an xã Đ cung cấp: Hiện ông Nguyễn Thanh P vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay: Bà T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông P vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà T, ông P có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu D cho bà T được tiếp tục nuôi dạy. Riêng hai cháu N và H đã trưởng thành và sống tự lập nên không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do bà T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông P. Ông P cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông P theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P do mai mối, có tổ chức đám cưới vào năm 1995 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang theo Trích lục kết hôn số: 1391 vào ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông P. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P phát sinh từ năm 2017 nhưng đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn. Hiện tại bà T và ông P đã sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông P không có mặt để hàn gắn. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: 01/ Nguyễn Thanh N, sinh ngày 27/9/1996; 02/ Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/6/2000; 3/ Nguyễn Ngô Nhật D, sinh ngày 17/01/2008. Hiện cháu D đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông P cấp dưỡng. Riêng hai cháu N và H đã trưởng thành, sống tự lập, bà không yêu cầu. Xét thấy, cháu D đang sống với bà T, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu D cho bà T được tiếp tục nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét thấy nên công nhận sự tự nguyện của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết: Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà T phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 11/01/1996 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Ngô Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngô Nhật D, sinh ngày 17/01/2008.

Công nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Ngô Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007117 ngày 28/09/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Lê Thị Sang